TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 6 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình
2. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Y – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 801/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1992; (có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố H, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1993; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố H, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn Khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị C trình bày:

Bà và ông Đỗ Văn T tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, vào ngày 20/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại nhà chồng ở Khu phố H, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cải vả, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông T không có trách nhiệm với gia đình. Do mẫu thuẫn nên từ năm 2016 đến nay, bà và ông Đỗ Văn T không còn

sống chung với nhau. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, cũng không ai đặt vấn đề quay trở về chung sống. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn không thể tiếp tục hôn nhân nên bà làm đơn đề nghị ly hôn với ông Đỗ Văn T.

Bà và ông Đỗ Văn T có một người con chung tên là Đỗ Trần Duy H, sinh ngày 29/5/2014. Cháu H đang sống cùng bà. Nếu ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông Đỗ Văn T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà đang làm công nhân may, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng, đủ để lo cho con.

Về tài sản chung, nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- T, tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho bà Trần Thị C được ly hôn với ông Đỗ Văn T. Về con chung: Giao con chung Đỗ Trần Duy H, sinh ngày 29/5/2014 cho bà Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị C yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Văn T. Ông Đỗ Văn T cư trú tại Khu phố H, phường Đ, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- T, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đỗ Văn T. Ông Đỗ Văn T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về Quan hệ hôn nhân:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị C và ông Đỗ Văn T là hoàn toàn tự nguyện, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy Chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Quá trình chung sống, bà Trần Thị C cho rằng vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vả, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ năm 2016 đến nay, bà Trần Thị C và ông Đỗ Văn T đã tự sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai, cũng không ai đặt vấn đề quay trở về chung sống. Tại Biên bản xác minh ngày 09/01/2025, chính quyền địa phương xác định: Quá trình chung sống tại địa phương, bà Trần Thị C và ông Đỗ Văn T phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Ngoài ra, trong quá trình tiến hành tố tụng, ông Đỗ Văn T không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị C thể hiện thái độ bỏ mặc.

[2.3] Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà Trần Thị C, ông Đỗ Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho bà Trần Thị C ly hôn với ông Đỗ Văn T.

[3] Về nuôi con chung:

[3.1] Bà Trần Thị C và ông Đỗ Văn T có một con chung tên Đỗ Trần Duy H, sinh ngày 29/5/2014. Xét thấy: từ khi bà Trần Thị C, ông Đỗ Văn T sống ly thân nhau, cháu H đều do bà Trần Thị C trực tiếp chăm sóc, bà Trần Thị C có thu nhập để lo cho con. Để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, tránh sự xáo trộn về môi trường sống, học tập của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị C, giao cho bà Trần Thị C trực tiếp nuôi con chung.

[3.2] Ông Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Trần Thị C không yêu cầu.

[4] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- T, tỉnh Ninh Thuận là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Q, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C đối với bị đơn ông Đỗ Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị C được ly hôn với ông Đỗ Văn T.

2. Về con chung:

Giao cho bà Trần Thị C có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đỗ Trần Duy H, sinh ngày 29/5/2014.

Ông Đỗ Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Trần Thị C phải chịu 300.000đ (bằng chữ: ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí Toà án số: 0005918, ngày 26/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- T, tỉnh Ninh Thuận. Bà Trần Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2025); vắng mặt bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. PR-TC;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- UBND Mỹ Đông, PR-TC;
(GCN số 26, ngày 20/3/2014)
- Lưu (HS, AV)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Trần Thanh Thư